

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
MÔN HỌC: CÔNG NGHỆ - KHỐI LỚP 6
NĂM HỌC 2026 – 2027

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 8.; **Số học sinh:** 297 ; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):** 0

2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 2; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 2 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: 2 .; Khá: 0 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

3. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Tranh Vai trò của nhà ở. Cấu tạo chung của nhà ở. Một cách bố trí không gian trong nhà ở - Tranh kiến trúc nhà ở Việt Nam	01/ tranh	Bài 1: Khái quát về nhà ở	
2	Tranh Một số loại vật liệu xây dựng phổ biến. Một số công việc khi xây dựng nhà ở.	01/ tranh	Bài 2: Xây dựng nhà ở	
3	- Tranh một số hệ thống trong ngôi nhà thông minh. - Tranh một số tiện ích của ngôi nhà thông minh. Video giới thiệu về bản chất, đặc điểm, một số hệ thống kỹ thuật công nghệ và tương lai của ngôi nhà thông minh.	01/ tranh	Bài 3: Ngôi nhà thông minh	

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4	- Tranh Một số nhóm thực phẩm chính. Một số loại thực phẩm thông dụng.	01/ tranh	Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng	
5	- Tranh Phương pháp bảo quản thực phẩm. Phương pháp chế biến thực phẩm - Video: Giới thiệu vệ sinh an toàn thực phẩm, những vấn đề cần quan tâm để đảm bảo an toàn thực phẩm trong gia đình. - Thiết bị: Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt. Bộ dụng cụ tĩa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt.	01/ tranh 01/ video 01/ bộ dụng cụ	Bài 5: Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	
6	- Video: Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống. - Tranh: Một số loại trang phục. - Hộp mẫu các loại vải	01/ tranh 01/ video 01/ hộp	Bài 7: Trang phục và đời sống	
7	- Video: Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống. - Tranh về lựa chọn và sử dụng trang phục	01/ tranh 01/ video	Bài 8: Sử dụng và bảo quản trang phục	
8	Tranh về thời trang trong cuộc sống.	01/ tranh	Bài 9: Thời trang	
9	- Thiết bị: Máy sấy tóc, Quạt sàn, nồi cơm điện (hoặc ấm điện siêu tốc) - Video: Giới thiệu về an toàn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình, cách sơ cứu khi người bị điện giật.	1 dụng cụ/nhóm	Bài10: Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	
10	- Dụng cụ, thiết bị: bóng đèn các loại. - Phiếu báo cáo thực hành cá nhân.	4 đèn /nhóm 1 phiếu /1HS	Thực hành: Đèn điện	
11	- Tranh: Cấu tạo và sơ đồ nguyên lí nồi cơm điện. - Thiết bị: Nồi cơm điện.	1 tranh/nhóm 1 nồi cơm điện	Bài 12: Nồi cơm điện	

12	- Tranh: Sơ đồ nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại. Bảng điều khiển của bếp điện. - Thiết bị: Bếp hồng ngoại.	1 tranh/nhóm 1 bếp hồng ngoại	Bài 13: Bếp hồng ngoại	
13	Video: Giới thiệu về năng lượng, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.	1 video	Bài 14: Dự án: An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình	

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết/ Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Năng lực số
	Chương I: Nhà ở	4		
1	Bài 1. Khái quát về nhà ở	1 (Tuần 1)	1. Kiến thức - Nêu được vai trò của nhà ở. - Nêu được đặc điểm chung của nhà ở, nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của nhà ở. Nhận biết được đặc điểm chung của nhà ở. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết được vai trò, đặc điểm của nhà ở - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.	1.1.TC1a

2	Bài 2. Xây dựng nhà ở	1 (Tuần 2)	1. Kiến thức - Kể được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở. - Mô tả một số bước chính trong xây dựng nhà ở. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: + Nhận biết được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở. + Nhận biết được một số bước chính trong xây dựng nhà ở. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở. - Thiết kế kỹ thuật: Thiết kế được ngôi nhà với các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình. 2.2. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: + Kể được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở. + Mô tả một số bước chính trong xây dựng nhà ở. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến xây dựng nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.	
3	Bài 3. Ngôi nhà thông minh	2 (Tuần 3,4)	1. Kiến thức - Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh, các hệ thống trong ngôi nhà thông minh. - Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình. 2. Năng lực	1.1.TC1a

			2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức CN: Mô tả được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh và ảnh hưởng của nó đến đời sống sinh hoạt của con người trong gia đình và môi trường. - Giao tiếp CN: Có ý tưởng thiết kế ngôi nhà thông minh phù hợp với phong tục tập quán ở mỗi địa phương - <i>Sử dụng CN</i>: Có biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả - Đánh giá CN: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập để thiết kế ngôi nhà thông minh. - Thiết kế kĩ thuật: Đề xuất giải pháp để xây dựng ngôi nhà thông minh hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với thực tế địa phương, gia đình... 2.2. Năng lực chung: - Phát triển năng lực tự chủ và tự học: Có thiết kế một dự án công nghệ và sử dụng đảm bảo an toàn trong gia đình. - Năng lực giao tiếp hợp tác: Thông qua hợp tác nhóm các em tự tin trao đổi chia sẻ, đưa ra ý tưởng của cá nhân và góp ý cho kết quả nhóm, đề xuất các giải pháp để xây dựng một sản phẩm hiệu quả, tiết kiệm và góp phần bảo vệ môi trường trong xây dựng nhà ở nói riêng và các nội dung công nghệ khác nói chung. 3. Phẩm chất - Có ý thức tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình. - Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.	
	Chương IV: Đồ dùng điện trong gia đình	12		
4	Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	2 (Tuần 5,6)	1. Kiến thức - Kể được tên một số đồ dùng điện trong gia đình. - Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. 2. Năng lực	

			2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện gia đình. Nhận biết được cách lựa chọn một số đồ dùng điện trong gia đình. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện gia đình. Nhận biết được cách lựa chọn một số đồ dùng điện trong gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ trong học tập, tham gia các công việc gia đình, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đồ dùng điện trong gia đình. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.	
5	Bài 11. Đèn điện	1 (Tuần 7)	1. Kiến thức - Nhận biết được các bộ phận chính của các loại bóng đèn. - Mô tả được nguyên lý làm việc của một số loại bóng đèn. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các bộ phận chính của đèn điện. Nhận biết được nguyên lý làm việc của một số đèn điện. 2.2. Năng lực chung:	

			- Năng lực tự chủ, tự học: Tự nhận biết các bộ phận chính của các loại bóng đèn. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết kiệm đối với đèn điện trong gia đình.	
6	Ôn tập	1 (Tuần 8)		
7	KIỂM TRA GIỮA KỲ I	1 (Tuần 9)		
8	Bài 11. Đèn điện (tt)	1 (Tuần 10)	1. Kiến thức Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn. 2.2. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học: Tự nhận biết các bộ phận chính của các loại bóng đèn. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn và tiết	

			kiệm đối với đèn điện trong gia đình.	
9	Bài 12. Nồi cơm điện	2 (tuần 11,12)	1. Về kiến thức - Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện. - Vẽ sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của nồi cơm điện. 2. Về Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của nồi cơm điện. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của nồi cơm điện. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật nồi cơm điện. - Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của nồi cơm điện. 2.2. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nồi cơm điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về nồi cơm điện vào cuộc sống hằng ngày trong gia đình.	
10	Bài 13. Bếp hồng ngoại	2 (Tuần 13,14)	1. Về kiến thức - Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. - Vẽ sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại. 2. Về Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại.	

			- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật bếp hồng ngoại. - Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của bếp hồng ngoại. 2.2. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bếp hồng ngoại, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về bếp điện vào cuộc sống hằng ngày trong gia đình.	
11	Bài 14. Dự án: An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình	2 (Tuần 15,18)	1. Về kiến thức - Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. - Đề xuất được việc làm cụ thể sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm. 2. Về Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình đánh giá thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. Nhận biết được nguyên nhân gây lãng phí điện năng. Nhận biết được các biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. - Sử dụng công nghệ: Tính toán được điện năng tiêu thụ, chi phí sử dụng điện trong một tháng của các đồ dùng điện. So sánh với tổng chi phí điện mà gia đình phải trả thông qua hóa đơn tiền điện. Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm và hiệu quả - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được các kí hiệu an toàn điện trên các thiết bị điện. 2.2. Năng lực chung: - Năng lực tự chủ, tự học.	

			- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến an toàn và tiết kiệm điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.	
12	Ôn tập	1 (Tuần 16)	Nội dung kiến thức chương IV	
13	Kiểm tra cuối học kì 1	1 (Tuần 17)		
	Chương II: Bảo quản và chế biến thực phẩm	8		
14	Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng	2 (Tuần 19,20)	1. Kiến thức - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính - Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.	

			- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học về thực phẩm và dinh dưỡng vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.	
15	Bài 5. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	3 (Tuần 21,22,23)	1. Kiến thức - Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. - Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản phổ biến. Nhận biết được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Sử dụng công nghệ: Thực hiện các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản phổ biến. Nhận biết được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 3. Phẩm chất	

			- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động	
16	Ôn tập chương II	1 (Tuần 24)	Nội dung kiến thức chương II	
17	KIỂM TRA GIỮA KỲ 2	1 (Tuần 26)		
18	Bài 6. Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương	2 (Tuần 25,27)	1. Kiến thức - Thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lí cho gia đình. - Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. 2. Năng lực 2.1. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu kiến thức, kĩ năng để thiết kế thực đơn một bữa ăn cho gia đình, từ đó tính toán được nhu cầu dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bữa ăn kết nối yêu thương, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được các yêu cầu, biết tìm hiểu các thông tin liên quan và đề xuất được giải pháp giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thiết kế thực đơn, tính toán dinh dưỡng và chi phí tài chính của một bữa ăn gia đình. 2.2. Năng lực đặc thù - Nhận thức công nghệ: + Nhận biết được nguyên tắc xây dựng thực đơn. - Sử dụng công nghệ: + Tính toán được nhu cầu năng lượng cần thiết trong một bữa ăn phù hợp với các thành viên trong gia đình. + Tính toán được chi phí dành cho một bữa ăn của gia đình. - Đánh giá công nghệ: + Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn	

			uống. + Lựa chọn được các loại thực phẩm phù hợp với gia đình của mình. - Thiết kế kĩ thuật: + Thiết kế được thực đơn một bữa ăn dành cho gia đình 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực phẩm, cách chế biến các món ăn; Có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và nấu ăn vào cuộc sống hằng ngày. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn.	
	Chương III: Trang phục và thời trang	9		
19	Bài 7. Trang phục và đời sống	2 (Tuần 28,29)	1. Kiến thức - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong đời sống. - Mô tả được một số đặc điểm cơ bản của trang phục làm cơ sở để lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục. - Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. 2. Năng lực 2.1. Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Tự tin trong hoạt động, phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết được các tình huống đặt ra. 2.2. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời	1.1.TC1b

			sống và một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. - Sử dụng công nghệ: Phân loại được một số trang phục cơ bản trong đời sống. Lựa chọn loại vải phù hợp để may mặc. - Đánh giá công nghệ: Nhận xét được chất liệu của một số loại vải trong trang phục. 3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. - Trung thực: Trong báo cáo kết quả hoạt động nhóm	
20	Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục	3 (Tuần 30,31,32)	1. Kiến thức - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng. 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Xác định được cơ sở để lựa chọn trang phục. Từ đó lựa chọn trang phục phù hợp với bản thân. - Mô tả được một số đặc điểm của trang phục phù hợp với hoạt động. - Trình bày được cách phối hợp trang phục. - Trình bày được các phương pháp làm sạch quần áo. - Sử dụng và phối hợp trang phục một cách hợp lý phù hợp với bản thân. - Lựa chọn được các phương pháp bảo quản phù hợp với từng loại trang phục. 2.2. Năng lực chung - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được góp ý, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.	

			- Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm, biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên khi hoạt động nhóm. 3. Phẩm chất Trách nhiệm: Sử dụng và bảo quản trang phục hợp lí góp phần bảo vệ môi trường. Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.	
21	Ôn tập	1 (Tuần 33)	Nội dung kiến thức chương II và III	
22	KIỂM TRA CUỐI KỲ 2	1 (Tuần 34)		
23	Bài 9. Thời trang	1 (Tuần 35)	1. Kiến thức - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang. - Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân 2. Năng lực 2.1. Năng lực công nghệ - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những kiến thức cơ bản về thời trang. Nhận biết được phong cách thời trang. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng tới thời trang - Sử dụng công nghệ: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân. Chỉ ra những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang - Đánh giá công nghệ: Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang. Mô tả được một số phong cách thời trang cơ bản. 2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Nhận ra và điều chỉnh các sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ	2.2.TC1a

			3. Phẩm chất - Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng trang phục trong cuộc sống. Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm trong quá trình hoạt động nhóm. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.	
--	--	--	--	--

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương I và bài 6,7 của chương IV	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 16	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương I và chương IV	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương II	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 32	Đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương II và chương III	Viết trên giấy

III. Các nội dung khác

Tiên Phước, ngày 24 tháng 8 năm 2026

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Thương

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Túy Lanh

